

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HPSố: 20.../2018/CV-KDM

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm do đơn vị tự lập và kiểm toán

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Đầu tư HP

Địa chỉ trụ sở chính: 459 Ngọc Hồi – TT Văn Điển – H. Thanh Trì – Hà Nội

Mã chứng khoán: KDM

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét của Công ty gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ Phần Đầu tư HP, xin giải trình về sự chênh lệch giữa BCTC 6 tháng đầu năm 2018 do đơn vị lập và BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2018 của kiểm toán cụ thể như sau :

Các chỉ tiêu thay đổi hoạt động sản xuất kinh doanh	Số liệu trên kết quả hoạt động kinh doanh do đơn vị lập (1)	Số liệu trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi soát xét (2)	Chênh lệch (3) =(2)-(1)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	546.970.048	586.970.048	40.000.000
Tổng LN kế toán trước thuế	127.511.770	87.511.770	- 40.000.000
Chi phí thuế TNDN	25.646.957	18.391.325	- 7.255.632
Lợi nhuận sau thuế	101.864.813	69.120.445	- 32.744.368

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 40.000.000 đồng là do điều chỉnh trích trước chi phí kiểm toán 6 tháng đầu năm 2018.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 40.000.000 đồng do điều chỉnh chỉ tiêu chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 7.255.632 đồng do kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế giảm 32.744.368 đồng do điều chỉnh các chỉ tiêu trên.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty về sự chênh lệch lợi nhuận BCTC 6 tháng đầu năm 2018 do đơn vị lập so với báo cáo soát xét do đơn vị kiểm toán phát hành.

Trân trọng!**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS: để b/c;
- Ban GD;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
Lưu Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP

Số: 19/2018/CV-KDM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v: Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên BCTC soát
xét bán niên năm 2018

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ Phần Đầu tư HP

Địa chỉ trụ sở chính: Số 459 Ngọc Hồi, TT Văn Điển, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

Mã chứng khoán: KDM

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét của Công ty gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ Phần Đầu tư HP, xin giải trình về ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán như sau:

- Do cuối kỳ tài chính, số tiền do các đối tác thanh toán và chuyển trả khá nhiều nên lượng tiền tồn đọng trong Công ty là khá lớn. Cụ thể, khoản phải thu ngắn hạn của Công ty đã giảm từ 9.382.630.002 đồng xuống còn 1.215.681.576 đồng; khoản Hàng tồn kho cũng giảm từ 14.622.251.984 đồng xuống còn 7.147.483.442 đồng. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ trương sử dụng số tiền từ bán hàng và thu nợ để đầu tư vào Công ty con và một số lĩnh vực quan trọng nhưng thủ tục chưa hoàn thiện nên lượng tiền tồn đọng trong Công ty lớn, dẫn đến việc kiểm toán không đủ bằng chứng để kiểm tra tính hiện hữu của số dư tiền mặt Công ty bằng các thủ tục thay thế và bổ sung.
- Các khoản phải thu khó đòi tương ứng với giá trị 308.181.983 đồng Công ty dự kiến thu được trong Quý III/2018 nên không đồng ý việc trích lập dự phòng các khoản phải thu này.

Trân trọng!**Nơi nhân:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS: đề b/c;
- Ban GD;
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC
Trần Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	[10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	[11] - [36]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009. Ngày 20 tháng 07 năm 2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về địa chỉ TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ngày 19 tháng 04 năm 2018, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11, Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở về số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Chủ tịch HĐQT	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 28/03/2018)	(i)
		(Miễn nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Lại Xuân Hưởng	Chủ tịch HĐQT	(Miễn nhiệm kể từ ngày 28/03/2018)	(i)
- Bà Huang Yong Mei	Chủ tịch HĐQT	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Bà Lại Thị Thùy	Thành viên	(Miễn nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Trần Quang Huy	Thành viên	(Miễn nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Đỗ Văn Luyện	Thành viên	(Miễn nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Lin Jie Lin	Thành viên	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Zhu Zhi Huang	Thành viên	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)

Các Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Bùi Nguyên Dương	Trưởng ban	(Miễn nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Trần Tuấn Nghĩa	Trưởng ban	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Nguyễn Thành Việt	Thành viên		
- Ông Đỗ Việt Anh	Thành viên		

Các Thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>		
- Ông Trần Quang Huy	Giám đốc	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 28/03/2018)	(i)
		(Miễn nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)
- Ông Lại Xuân Hưởng	Giám đốc	(Miễn nhiệm kể từ ngày 28/03/2018)	(i)
- Bà Huang Yong Mei	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm kể từ ngày 30/06/2018)	(ii)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 03 năm 2018 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thay đổi Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018.

Tuy nhiên, theo công văn số 18/2018/KDM – CV của Công ty do hồ sơ thay đổi Giám đốc cũng như người đại diện theo pháp luật đang được xét duyệt nên Công ty chưa có Giấy đăng ký kinh doanh mới. Do vậy, trong thời gian từ ngày 30/06/2018 đến thời điểm được cấp Giấy đăng ký kinh doanh mới ông Trần Quang Huy vẫn là người ký các giấy tờ liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam với tư cách là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/ĐHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018, công ty có kế hoạch rút toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt số tiền 30.960.000.000 VND, Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản THT số tiền 5.500.000.000 VND, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Quản lý Môi trường Đô thị Kỳ Anh số tiền 7.090.000.000 VND và Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội số tiền là 8.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/ĐHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018, công ty có kế hoạch thay đổi ngành nghề kinh doanh: Rút 3 ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan. Bổ sung 2 ngành nghề kinh doanh mới là hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu và hỗ trợ dịch vụ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC**



Số: 83 /2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam được lập ngày 13 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Do những hạn chế từ phía công ty chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm 30/06/2018. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra được tính hiện hữu của số dư tiền mặt của Công ty bằng các thủ tục kiểm toán thay thế và bổ sung khác.
- Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền 308.181.983 VND, dẫn đến khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ đang phản ánh cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được một khoản tương ứng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" giảm 308.181.983 VND dẫn đến tăng lợi nhuận trước thuế một khoản tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.810.278.625	29.589.470.790
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.213.566.812	5.489.397.499
1. Tiền	111		8.213.566.812	5.489.397.499
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.215.681.576	9.382.630.002
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.677.954.551	3.862.824.615
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	-	5.980.960.940
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	-	1.117.422
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.6	(462.272.975)	(462.272.975)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	7.147.483.442	14.622.251.984
1. Hàng tồn kho	141		7.147.483.442	14.622.251.984
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		233.546.795	95.191.305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.088.637	7.620.454
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		232.458.158	87.570.851
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.930.267.913	51.985.737.624
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106.922.000	448.042.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	106.922.000	448.042.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.307.979.738	8.522.329.449
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.14	6.666.157.617	3.859.047.889
- Nguyên giá	222		11.790.541.090	6.789.979.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.124.383.473)	(2.930.932.110)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.15	641.822.121	4.663.281.560
- Nguyên giá	225		1.132.627.272	6.079.888.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(490.805.151)	(1.416.606.803)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	51.515.366.175	43.015.366.175
1. Đầu tư vào công ty con	251		8.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.960.000.000	30.960.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.590.000.000	12.090.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(34.633.825)	(34.633.825)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		75.740.546.538	81.575.208.414

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		833.770.762	6.737.553.083
I. Nợ ngắn hạn	310		458.000.762	2.963.002.086
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	-	1.928.370.090
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	-	493.301.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	52.487.762	351.290.996
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	40.000.000	80.000.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	365.513.000	110.040.000
II. Nợ dài hạn	330		375.770.000	3.774.550.997
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	375.770.000	3.774.550.997
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.906.775.776	74.837.655.331
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	74.906.775.776	74.837.655.331
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.000.000.000	71.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.000.000.000	71.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		3.906.775.776	3.837.655.331
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.837.655.331	2.985.364.968
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69.120.445	852.290.363
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		75.740.546.538	81.575.208.414

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trần Thị Toan

Kế toán trưởng

Trần Thị Toan

Giám đốc



Trần Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a – DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	10.171.995.232	22.740.204.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.171.995.232	22.740.204.108
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	9.215.430.255	21.994.797.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		956.564.977	745.406.775
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	706.601	237.678.798
7. Chi phí tài chính	22	6.5	167.607.459	231.238.970
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		167.607.459	231.238.970
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	54.000.000	243.680.637
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	586.970.048	(1.148.098.360)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		148.694.071	1.656.264.326
11. Thu nhập khác	31	6.6	42.636	-
12. Chi phí khác	32	6.7	61.224.937	20.582.130
13. Lợi nhuận khác	40		(61.182.301)	(20.582.130)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		87.511.770	1.635.682.196
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	18.391.325	328.156.530
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		69.120.445	1.307.525.666
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.11	10	184

Người lập

Trần Thị Toan

Kế toán trưởng

Trần Thị Toan

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Giám đốc



Trần Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		13.280.014.819	23.167.151.165
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.591.595.307)	(21.120.560.798)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(312.983.534)	(614.070.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(167.607.459)	(231.238.970)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(317.194.559)	(227.698.805)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.467.828.734	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(684.419.254)	(454.277.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.674.043.440	519.305.286
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(500.000.000)	(18.010.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		706.601	4.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	680.278.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(499.293.399)	(829.721.202)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(55.020.000)	(620.429.205)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(395.560.728)	(889.803.153)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(450.580.728)	(1.510.232.358)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.724.169.313	(1.820.648.274)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.489.397.499	5.645.923.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8.213.566.812	3.825.274.915

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập

Trần Thị Toan

Kế toán trưởng

Trần Thị Toan

Giám đốc



Trần Quang Huy

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009. Ngày 20 tháng 07 năm 2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về địa chỉ TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ngày 19 tháng 04 năm 2018, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 công ty thay đổi địa chỉ trụ sở về số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống;*
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi...);*
- Mua bán trang trí nội thất;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đại lý môi giới đầu giá. *Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Buôn bán sắt thép;*
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;*
- Mua bán và chế biến than các loại;
- Khai thác than đá, cát, sỏi, đất sét;

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở đặt tại số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 15 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

4.19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nam, tỷ lệ doanh thu trên 90% nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	30/06/2018	01/01/2018		
Tiền mặt	8.203.516.407	2.728.710.604		
Tiền gửi ngân hàng	10.050.405	2.760.686.895		
Cộng	8.213.566.812	5.489.397.499		
5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	30/06/2018	01/01/2018		
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.677.954.551	3.862.824.615		
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Long Thành	1.540.909.916	1.540.909.916		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	137.044.635	-		
- Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hamico	-	2.321.914.699		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-		
b) Phải thu khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	137.044.635	-		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đại Nam Việt	137.044.635	-		
5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	30/06/2018	01/01/2018		
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	5.980.960.940		
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP	-	4.749.125.500		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	-	1.187.835.440		
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	-	44.000.000		
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-		
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	5.936.960.940		
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP	-	4.749.125.500		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	-	1.187.835.440		
5.4 . PHẢI THU KHÁC	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	1.117.422	-
- Phải trả, phải nộp khác	-	-	1.117.422	-
b) Dài hạn	106.922.000	-	448.042.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	106.922.000	-	448.042.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

5.5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	51.550.000.000	(34.633.825)	43.050.000.000	(34.633.825)
- Đầu tư vào Công ty con	8.000.000.000	-	-	-
+ Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội (i)	8.000.000.000	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên kết	30.960.000.000	-	30.960.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt - tỷ lệ sở hữu 46,9%	30.960.000.000	-	30.960.000.000	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.590.000.000	(34.633.825)	12.090.000.000	(34.633.825)
+ Công ty CP Chế biến Lâm Sản THT - tỷ lệ sở hữu 18,42%	5.500.000.000	(34.633.825)	5.500.000.000	(34.633.825)
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Quản lý Môi trường Đô thị Kỳ Anh - tỷ lệ sở hữu 9,41%	7.090.000.000	-	6.590.000.000	-

(i) Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 13/2018/NQ-HĐQT/KDM ngày 13/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam về việc thành lập Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội, vốn điều lệ là 9 tỷ đồng, tỷ lệ sở hữu là 100% vốn điều lệ.

Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0108338531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2018 với số vốn điều lệ là 9 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/NQ-DHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018, Công ty có kế hoạch rút toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	7.147.483.442	-	9.301.638.409	-
Thành phẩm nhập kho	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	5.320.613.575	-
Cộng	7.147.483.442	-	14.622.251.984	-

5.8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	1.088.637	7.620.454
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.088.637	7.620.454
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.088.637	7.620.454

5.9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	-	-	1.928.370.090	1.928.370.090
- Công ty CP Sản xuất TM Đức Hùng	-	-	485.974.500	485.974.500
- Công ty TNHH TM và DV Gia Thịnh Phát	-	-	406.744.800	406.744.800
- Công ty TNHH XD và Vận tải Minh Hùng	-	-	192.115.000	192.115.000
- Công ty TNHH TM Tổng hợp Mỹ Phát	-	-	204.817.140	204.817.140
- Công ty TNHH MTV Ngân Tiến Thành	-	-	393.000.000	393.000.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	245.718.650	245.718.650
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

5.10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	493.301.000	493.301.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	-	-	378.301.000	378.301.000
- Công ty TNHH Thanh Hòa Đại Dương	-	-	115.000.000	115.000.000
- Đối tượng khác	-	-	-	-
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

5.11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	351.290.996	18.391.325	317.194.559	52.487.762
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	351.290.996	18.391.325	317.194.559	52.487.762
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
b) Phải thu				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	40.000.000	80.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	40.000.000	80.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	40.000.000	80.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN**5.13 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	350.640.908	5.359.270.000	1.035.069.091	45.000.000	6.789.979.999
Tăng trong kỳ		5.000.561.091			5.000.561.091
- Mua trong kỳ					
- Chuyển từ TSCĐHH thuế tài chính		5.000.561.091			5.000.561.091
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	350.640.908	10.359.831.091	1.035.069.091	45.000.000	11.790.541.090
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	350.640.908	2.437.901.727	97.389.475	45.000.000	2.930.932.110
Tăng trong kỳ		2.107.195.605	86.255.758		2.193.451.363
- Số khấu hao trong kỳ		530.880.408	86.255.758		617.136.166
- Chuyển từ TSCHH thuế tài chính		1.576.315.197			1.576.315.197
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	350.640.908	4.545.097.332	183.645.233	45.000.000	5.124.383.473
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm		2.921.368.273	937.679.616		3.859.047.889
2. Tại ngày cuối kỳ		5.814.733.759	851.423.858		6.666.157.617

• Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 922.989.293 VND

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 570.640.908 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

5.14 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.079.888.363				6.079.888.363
Tăng trong kỳ					
- Mua trong kỳ		4.947.261.091			4.947.261.091
Giảm trong kỳ		4.947.261.091			4.947.261.091
- Chuyển sang TSCĐHH		1.132.627.272			1.132.627.272
Số dư cuối kỳ					
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.416.606.803				1.416.606.803
Tăng trong kỳ	650.513.545				650.513.545
- Số khấu hao trong kỳ	650.513.545				650.513.545
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ	1.576.315.197				1.576.315.197
- Chuyển sang TSCĐHH	1.576.315.197				1.576.315.197
Số dư cuối kỳ	490.805.151				490.805.151
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.663.281.560				4.663.281.560
2. Tại ngày cuối kỳ	641.822.121				641.822.121

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LOC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

5.16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	71.000.000.000	-	-	-	-	2.951.268.531	73.951.268.531
Tăng vốn năm trước							-
Lãi trong năm trước					886.386.800		886.386.800
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	71.000.000.000	-	-	-	-	3.837.655.331	74.837.655.331
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						69.120.445	69.120.445
Tăng khác							-
Giảm vốn trong kỳ này							-
Lỗ do hoàn nhập trong kỳ này							-
Giảm khác							-
Số dư cuối kỳ	71.000.000.000	-	-	-	-	3.906.775.776	74.906.775.776

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2018	01/01/2018
- Bà Huang Yong Mei	21,43%	15.215.000.000	-
- Ông Lin Jie Lin	13,56%	9.630.000.000	-
- Các đối tượng khác	65,01%	46.155.000.000	71.000.000.000
Cộng	100%	71.000.000.000	71.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	71.000.000.000	71.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	71.000.000.000	71.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.100.000	7.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.100.000	7.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.100.000	7.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.100.000	7.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.100.000	7.100.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.17 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
a) Doanh thu	10.171.995.232	22.740.204.108
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	3.360.496.032	20.722.610.200
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.811.499.200	2.017.593.908
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	210.086.032	-
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	210.086.032	-

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của hàng đã bán	9.215.430.255	21.994.797.333
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.927.842.685	18.736.989.785
- Giá vốn của hoạt động dịch vụ	6.287.587.570	3.257.807.548
Cộng	9.215.430.255	21.994.797.333
6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	706.601	237.678.798
Cộng	706.601	237.678.798
6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	167.607.459	231.238.970
Cộng	167.607.459	231.238.970
6.6 . THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập khác	42.636	-
Cộng	42.636	-
6.7 . CHI PHÍ KHÁC		
Các khoản bị phạt lãi chậm nộp	4.444.854	5.100.453
Chi phí khác	56.780.083	15.481.677
Cộng	61.224.937	20.582.130
6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	586.970.048	(1.148.098.360)
Chi phí nhân viên	278.681.600	153.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.255.759	55.383.885
Chi phí dự phòng	-	(1.443.731.063)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	222.032.689	87.248.818
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	54.000.000	243.680.637
Chi phí nhân viên	54.000.000	54.000.000
Chi phí bán hàng khác	-	189.680.637
6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	733.248.229
Chi phí nhân công	332.681.600	614.070.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.267.649.711	2.112.553.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.977.038.761	384.680.637
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí bằng tiền khác	157.032.689	67.248.818
Cộng	4.734.402.761	3.911.801.525

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.511.770	1.635.682.196
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.444.854	5.100.453
+ Chi phí không được trừ	4.444.854	5.100.453
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	91.956.624	1.640.782.649
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	18.391.325	328.156.530
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69.120.445	1.307.525.666

6.11 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	69.120.445	1.307.525.666
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	69.120.445	1.307.525.666
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.100.000	7.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	10	184

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	3.360.496.032	6.811.499.200	-	10.171.995.232
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Giá vốn hàng bán	2.927.842.685	6.287.587.570		9.215.430.255
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	432.653.347	523.911.630	-	956.564.977
Tổng giá trị còn lại của tài sản				75.740.546.538
Nợ phải trả				833.770.762
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				48.900.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.323.081.528
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	20.722.610.200	2.017.593.908	-	22.740.204.108
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Giá vốn hàng bán	18.736.989.785	3.257.807.548		21.994.797.333
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	1.985.620.415	(1.240.213.640)	-	745.406.775
Tổng giá trị còn lại của tài sản				81.575.208.414
Nợ phải trả				6.737.553.083
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				3.610.031.394
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ tài chính

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/ĐHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018 công ty có sự thay đổi nhân sự chủ chốt như sau: thay đổi toàn bộ thành viên của Hội đồng Quản trị, của Ban Giám đốc cũng như người đại diện theo pháp luật và thay đổi Trưởng ban Kiểm soát.

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 13/2018/NQ-HĐQT/KDM ngày 13/06/2018 công ty thành lập công ty con - Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội, vốn điều lệ là 9 tỷ VND, sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0108338531 ngày 25 tháng 06 năm 2018.

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/ĐHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018, công ty có kế hoạch rút toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt số tiền 30.960.000.000 VND, Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản THT số tiền 5.500.000.000 VND, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Quản lý Môi trường Đô Thị Kỳ Anh số tiền 7.090.000.000 VND và Công ty TNHH Công nghiệp và Đầu tư Nam Hà Nội số tiền là 8.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam số 02/2018/ĐHĐCĐ/HPVIETNAM ngày 30/06/2018, công ty có kế hoạch thay đổi ngành nghề kinh doanh: rút bớt 3 ngành nghề kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan, bổ sung 2 ngành nghề kinh doanh mới là hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu và hỗ trợ dịch vụ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu.

8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản nợ ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ngày 30/06/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Giá trị ghi sổ	10.125.068.158	51.622.288.175	61.747.356.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.213.566.812		8.213.566.812
Phải thu khách hàng	1.677.954.551		1.677.954.551
Đầu tư		51.515.366.175	51.515.366.175
Phải thu khác	-	106.922.000	106.922.000
Tài sản tài chính khác	233.546.795	-	233.546.795
Trừ:	462.272.975	34.633.825	496.906.800
Dự phòng phải thu khó đòi	462.272.975		462.272.975
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		34.633.825	34.633.825
Tổng cộng	9.662.795.183	51.587.654.350	61.250.449.533
Giá trị ghi sổ			
Các khoản vay và nợ	365.513.000	375.770.000	741.283.000
Phải trả người bán	-		-
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	40.000.000		40.000.000
Tổng cộng	405.513.000	375.770.000	781.283.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.257.282.183	51.211.884.350	60.469.166.533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản (tiếp)

Ngày 01/01/2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Giá trị ghi sổ	9.448.530.841	43.463.408.175	52.911.939.016
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.489.397.499		5.489.397.499
Phải thu khách hàng	3.862.824.615		3.862.824.615
Đầu tư		43.015.366.175	43.015.366.175
Phải thu khác	1.117.422	448.042.000	449.159.422
Tài sản tài chính khác	95.191.305	-	95.191.305
Trừ:	462.272.975	-	462.272.975
Dự phòng phải thu khó đòi	462.272.975		462.272.975
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			-
Tổng cộng	8.986.257.866	43.463.408.175	52.449.666.041
Các khoản vay và nợ	110.040.000	3.774.550.997	3.884.590.997
Phải trả người bán	1.928.370.090		1.928.370.090
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	80.000.000		80.000.000
Tổng cộng	2.118.410.090	3.774.550.997	5.892.961.087
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.867.847.776	39.688.857.178	46.556.704.954

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					-
Các khoản phải thu về cho vay					-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.679.071.973	3.863.942.037	1.679.071.973	3.863.942.037	
Tài sản tài chính khác	233.546.795	95.191.305	233.546.795	95.191.305	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	51.515.366.175	43.015.366.175	(*)	(*)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.213.566.812	5.489.397.499	8.213.566.812	5.489.397.499	
Tổng cộng	61.641.551.755	52.463.897.016	(*)	(*)	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	375.770.000	540.830.000	375.770.000	540.830.000	
Phải trả người bán	-	1.928.370.090	-	1.928.370.090	
Phải trả khác	-	-	-	-	
Tổng cộng	375.770.000	2.469.200.090	375.770.000	2.469.200.090	

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 459, đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

8.7 . Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Quản lý Môi trường Đô thị Kỳ Anh	Công ty đầu tư khác
Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản THT	Công ty đầu tư khác
Ông Lại Xuân Hưởng	Chủ tịch HĐQT/Giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 28/03/2018)
Ông Trần Quang Huy	Chủ tịch HĐQT/Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 28/03/2018)

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	Mua hàng		3.954.115.000
	Trả tiền mua hàng		2.766.279.560
	Bán hàng		231.094.635
	Thu tiền bán hàng		94.050.000

b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND
Trần Quang Huy	Giám đốc	16.110.000
Lại Xuân Hưởng	Giám đốc	50.580.000
Tổng cộng		66.690.000

8.8 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Người lập



Trần Thị Toan

Kế toán trưởng



Trần Thị Toan



Giám đốc

Trần Quang Huy